CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bất động sản Thế Kỷ

Ngày 30/06/2025	8,410 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.7%	**23.7%**	**7.8%**

DT thuần
Q2/25
350
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 196| 127%
YoY: ▲ 17.0| 5.0%

LN thuần
Q2/25
52.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 47.0| 791%
YoY: ▲ 35.5| 204%

LN sau thuế
Q2/25
40.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 37.6| 1201%
YoY: ▲ 32.7| 409%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
20.8%
YoY: +/-▲ 6.4%

ROE (TTM)
Q2/25
1.2%
YoY: +/-▲ 0.6%

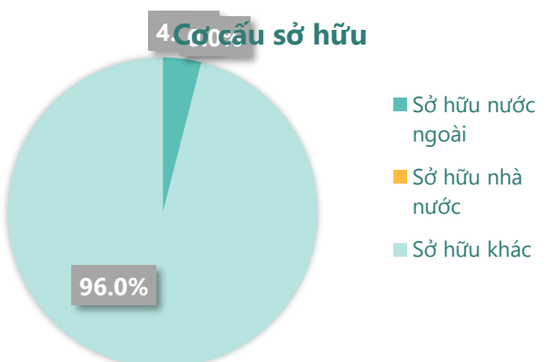
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,280 - 8,680
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,900
Số lượng CPLH (CP)	463,678,426
KLGD BQ 20 phiên (CP)	271,670
Sở hữu nước ngoài	4.0%
Beta	0.64
EPS	147
P/E	57.3

DT thuần
6T 2025
504
tỷ VNĐ
YoY: ▼323| -39.0%

LN thuần
6T 2025
58.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.7| 24.6%

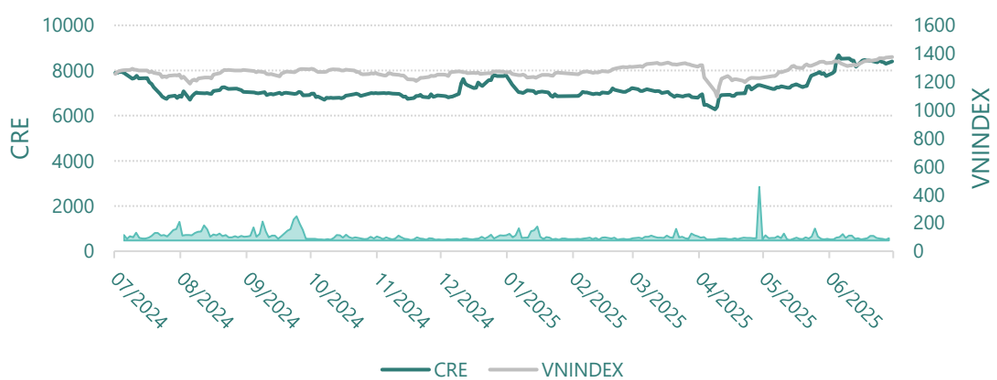
LN sau thuế
6T 2025
43.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 27.8| 174%

Cơ cấu sở hữu

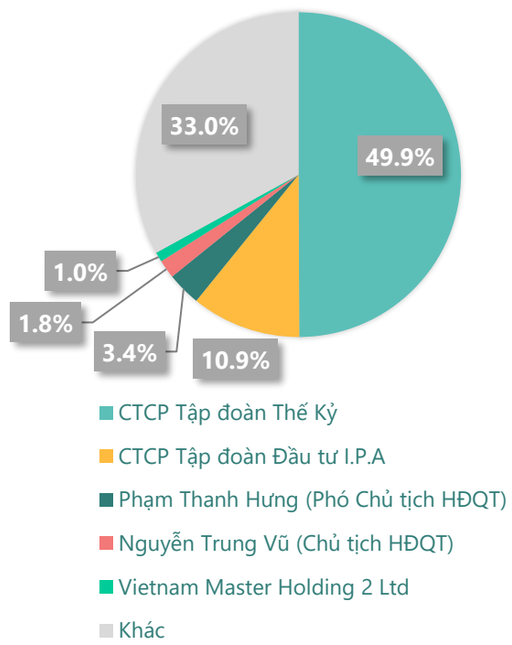


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



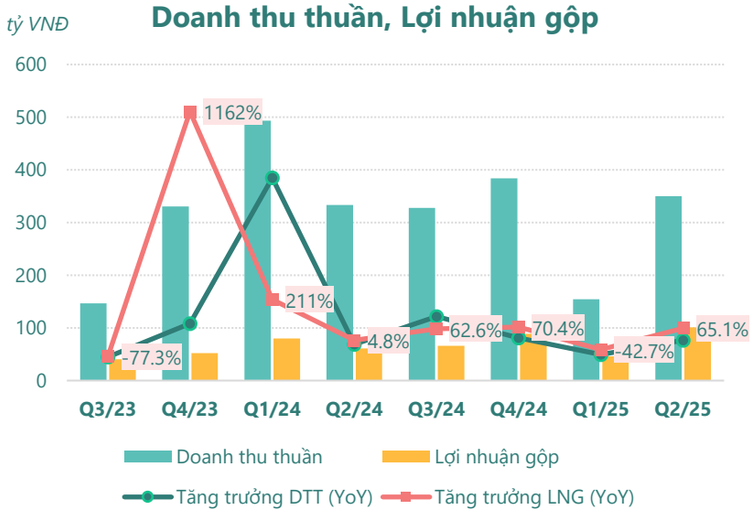
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

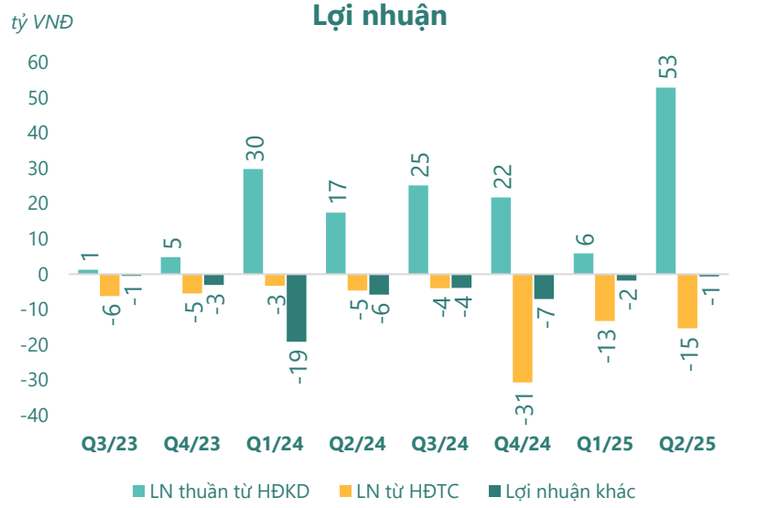
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



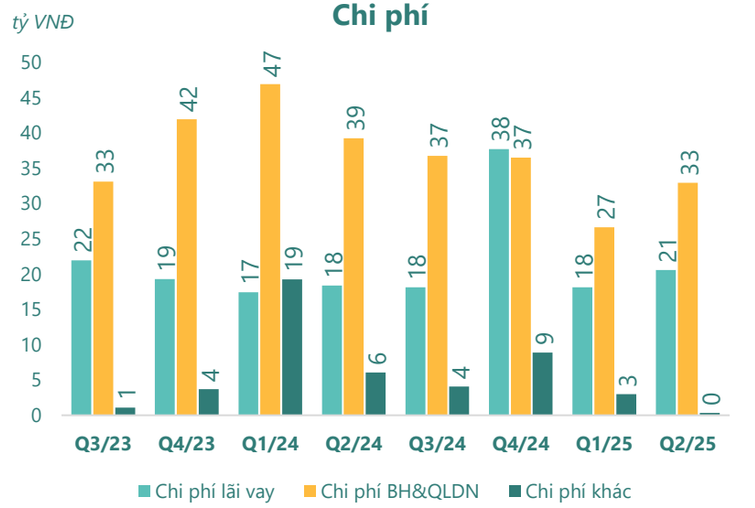
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



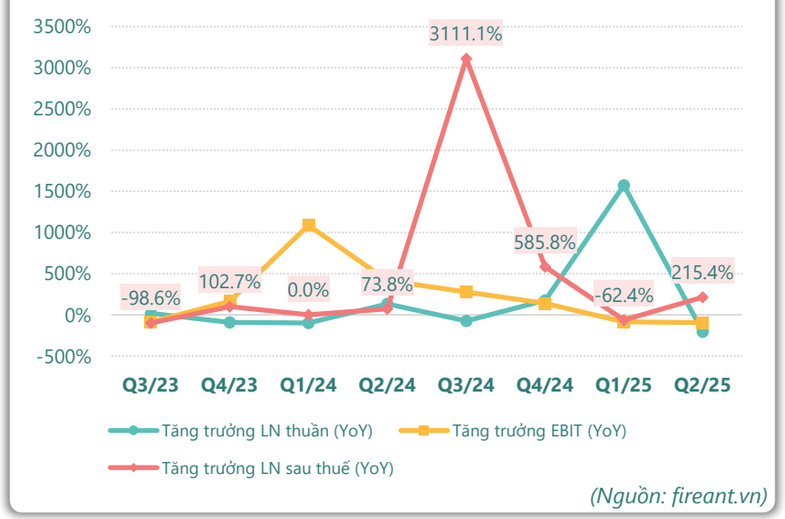
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



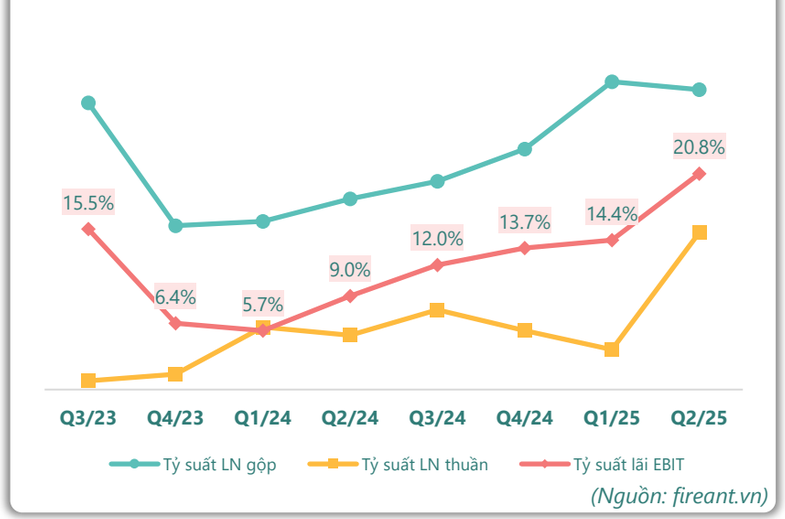
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



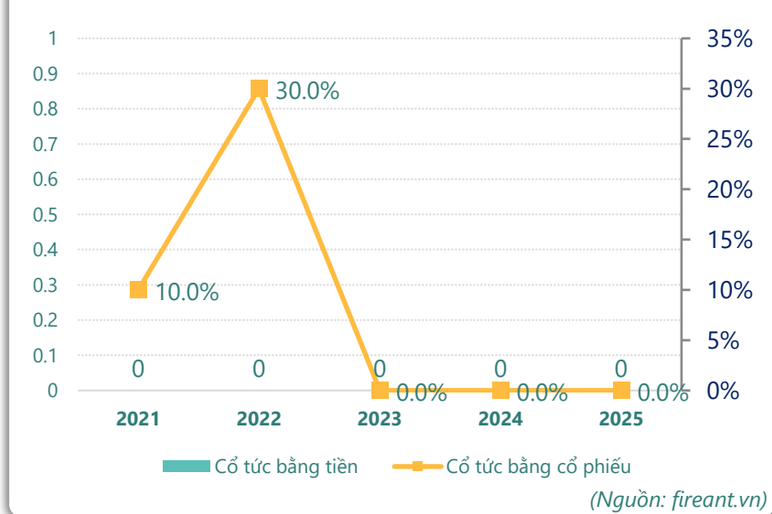
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

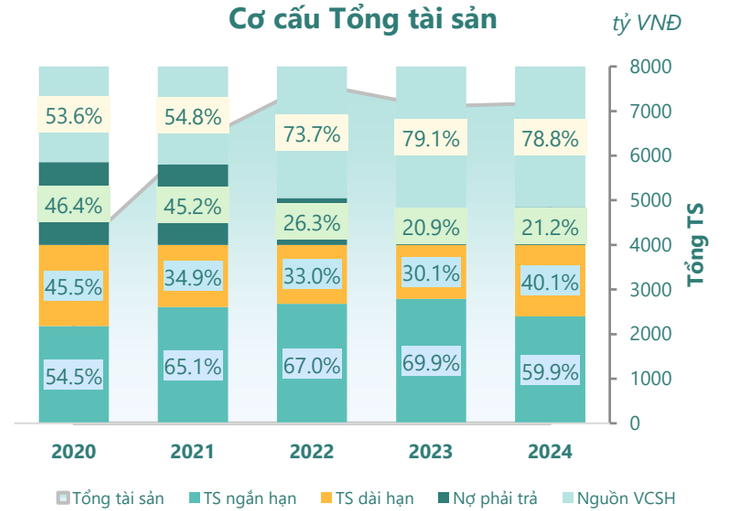
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

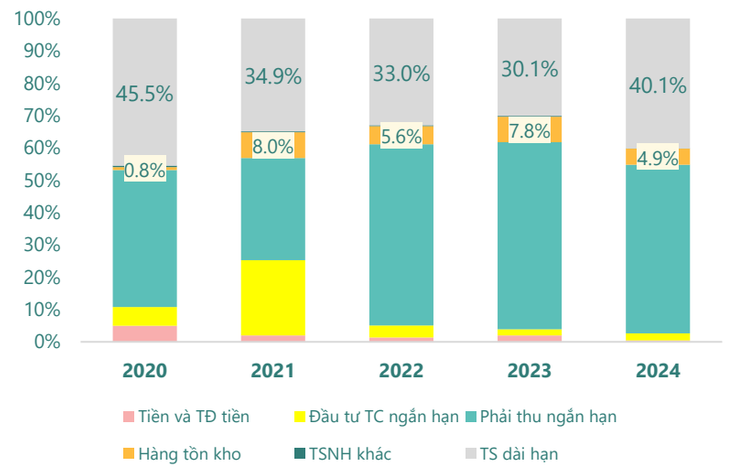
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



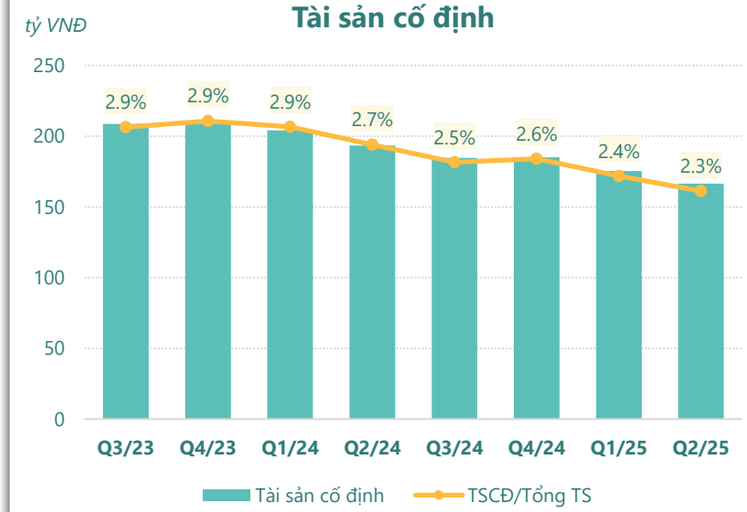
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



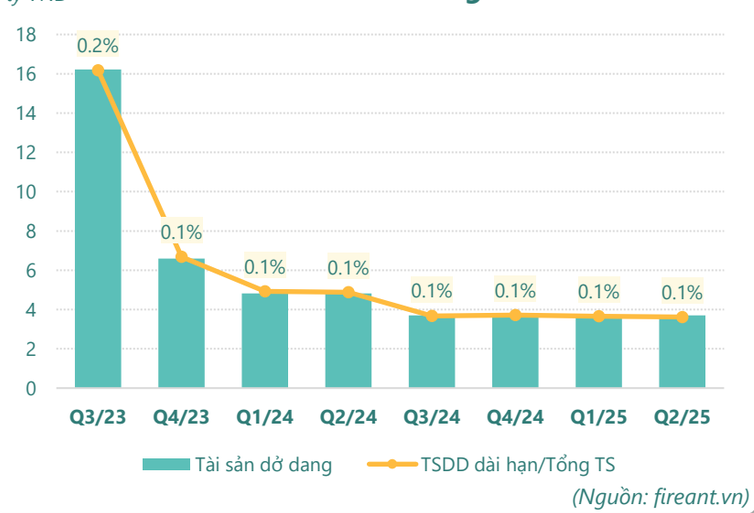
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



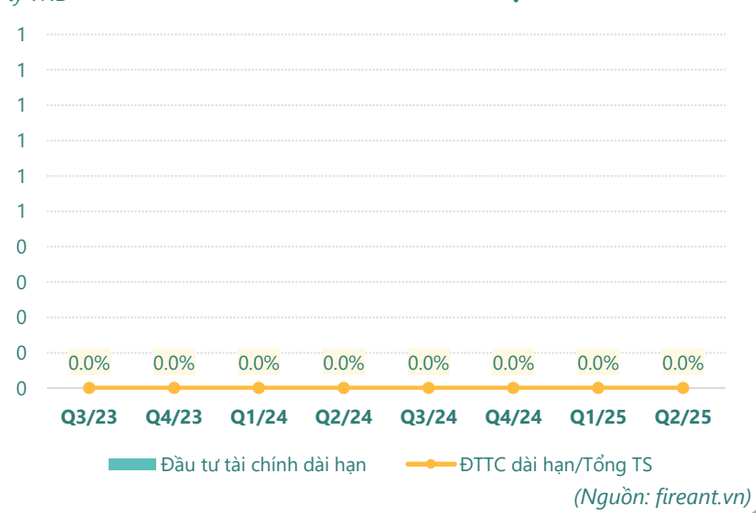
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



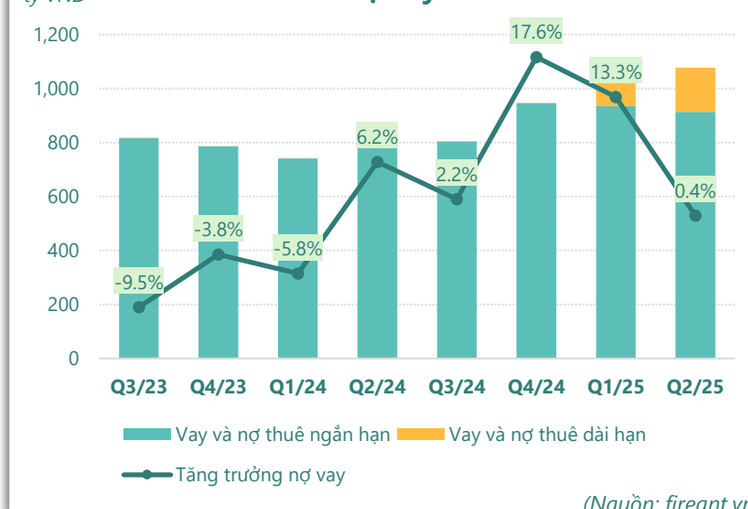
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

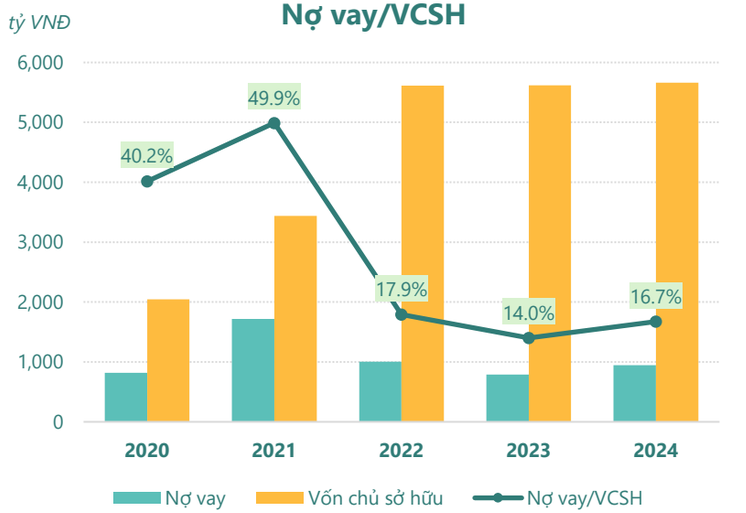
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

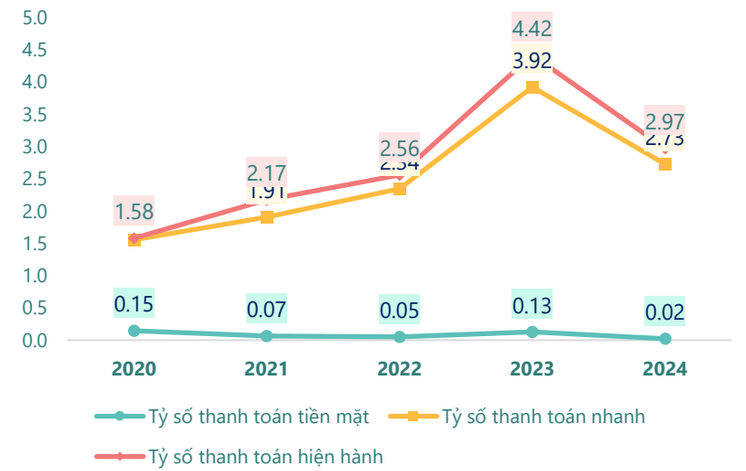
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



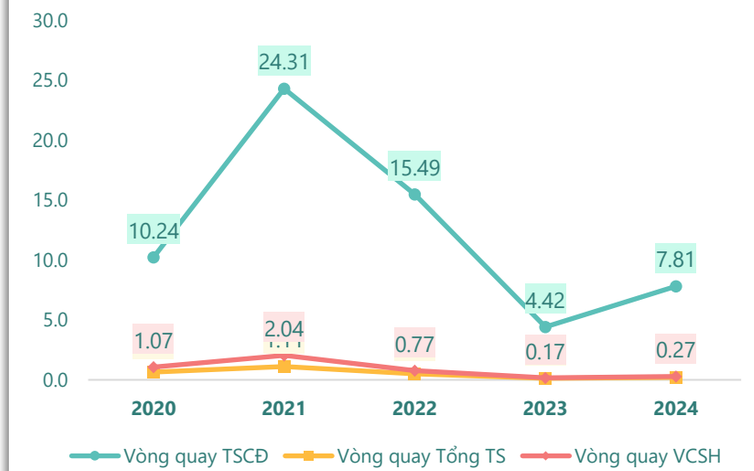
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



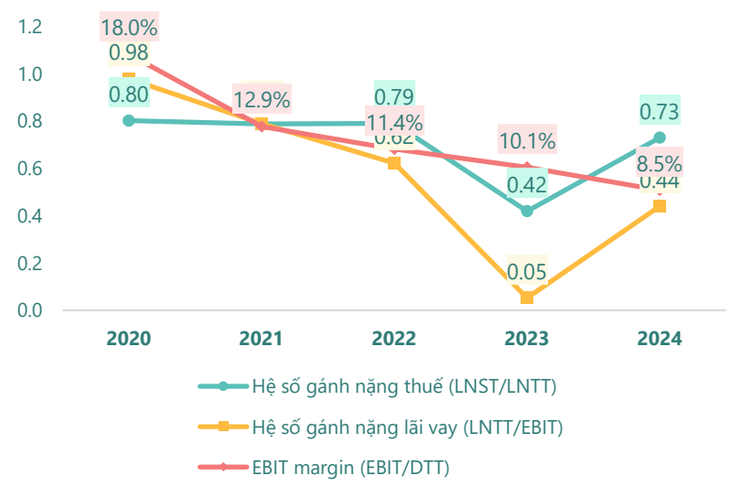
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



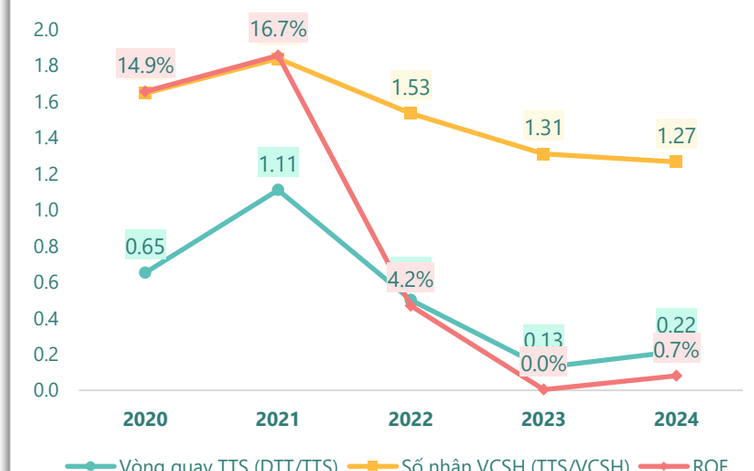
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



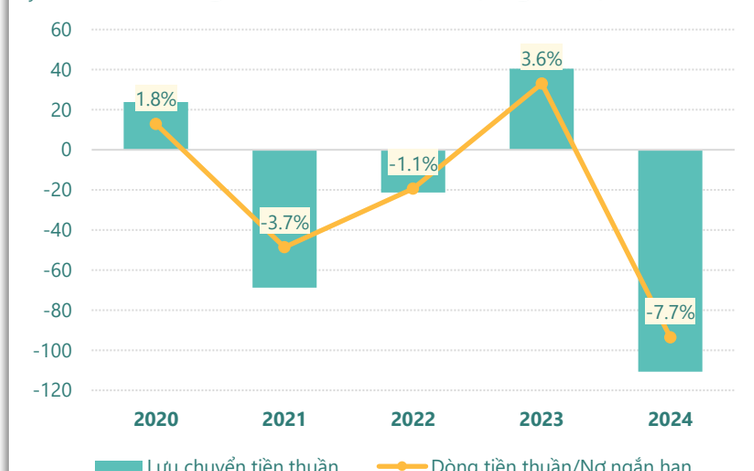
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**350**	**333**	**5.0%**	**504**	**827**	**-39.0%**
Giá vốn hàng bán	249	272	-8.6%	357	686	-47.9%
Lợi nhuận gộp	101	61.3	65.1%	147	141	4.0%
Doanh thu HĐTC	5.22	13.8	-62.2%	10.1	27.9	-63.7%
Chi phí TC	20.6	18.4	11.8%	38.7	35.8	8.1%
Chi phí lãi vay	20.6	18.4	11.8%	38.7	35.8	8.1%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	4.42	7.96	-44.4%	5.42	16.0	-66.2%
Chi phí QLDN	**28.5**	**31.3**	**-8.9%**	**54.2**	**70.2**	**-22.8%**
LN thuần từ HĐKD	52.9	17.4	204%	58.9	47.2	24.6%
Lợi nhuận khác	**-0.64**	**-5.78**	**88.9%**	**-2.47**	**-25.0**	**90.1%**
LN trước thuế	52.3	11.7	347%	56.4	22.3	153%
Lợi nhuận sau thuế	**40.7**	**8.00**	**409%**	**43.8**	**16.0**	**174%**
LNST của CĐ cty mẹ	**39.5**	**7.69**	**413%**	**42.5**	**15.5**	**175%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-21.8	17.2	-0.57	-729	0	-111
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	45.4	-81.2	-23.2	426	0	19.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-45.9	46.3	20.1	235	0	4.96
Tiền đầu kỳ	142	119	102	98.0	0	142
Lưu chuyển tiền thuần	**-22.4**	**-17.7**	**-3.72**	**-67.0**	**0**	**-86.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	119	102	98.0	31.0	0	55.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**7,371**	**7,181**	**2.6%**
Tài sản ngắn hạn	4,415	4,298	2.7%
Tiền và tương đương tiền	60.0	31.1	93.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	225	157	42.9%
Phải thu ngắn hạn	3,482	3,746	-7.1%
Hàng tồn kho	632	354	78.3%
Tài sản ngắn hạn khác	16.6	9.45	75.2%
Tài sản dài hạn	**2,956**	**2,882**	**2.5%**
Phải thu dài hạn	2,586	2,470	4.7%
Tài sản cố định	166	185	-10.1%
Bất động sản đầu tư	161	177	-8.8%
Tài sản dở dang	3.71	3.71	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**38.8**	**46.2**	**-16.0%**
Lợi thế thương mại	0	0.51	-100%
Nợ phải trả	1,663	1,519	9.5%
Nợ ngắn hạn	**1,445**	**1,446**	**-0.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	914	946	-3.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	161	133	20.5%
Nợ dài hạn	218	72.9	199%
Vay và nợ thuê dài hạn	163	0.51	31746%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**5,708**	**5,662**	**0.8%**
Vốn chủ sở hữu	**5,708**	**5,662**	**0.8%**
Vốn điều lệ	4,637	4,637	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)